

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 19 – 08 – 2021
(V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Đức Danh

2. Ông Nguyễn Văn Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/8/2021, tại hội trường xét xử TAND thị xã Nghi Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST – HNGĐ ngày 09/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị V – Sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐM, xã TT, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thế Q – Sinh năm: 1976 (Vắng)

Nơi ĐKTT: Thôn PL, xã TS, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Đội 1, thôn TS1, xã PS, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị V trình bày:

Chị và anh Q ở gần nhà nhau, lớn lên chị quen anh Q rồi sau một thời gian ngắn tìm hiểu, yêu đương chị và anh Q đã quyết định đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2005 tại UBND xã TS, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cưới xong, hai vợ chồng cùng làm nghề tự do tại địa phương. Nhưng do thời gian tìm hiểu nhau ngắn, lại có sự cách biệt nhau về tuổi tác nên giữa hai anh chị có rất

hiều những bất đồng về quan điểm sống. Anh Q lại thường xuyên rượu chè rồi chửi bới, đánh đập chị V thậm tệ. Đầu năm 2008, do không thể tiếp tục chịu đựng được cảnh sống như thế nên ngay trong đêm mưa gió chị V đã phải ôm con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó chị mang con đi Miền Nam làm ăn. Nhưng do con nhỏ, lại hay ốm đau nên năm 2010 chị phải mang con về lại quê gửi cho ông bà ngoại rồi lại quay vào Miền Nam làm công nhân. Cuộc sống xa nhà khó khăn, lại nhớ con nên năm 2015 thì chị đã về quê ở với mẹ đẻ (khi ấy bố chị đã mất) và xin làm công nhân tại Cty Giày Annora ở phường XL, thị xã Nghi Sơn.

Theo chị V trình bày, khoảng cuối năm 2019 sau khi bố mẹ anh Q qua đời thì các anh chị quyết định đưa anh Q vào xã PS, thị xã Nghi Sơn sống với gia đình chị gái để cai rượu. Suốt từ khi chị V về nhà bố mẹ đẻ ở hơn 10 năm nay thì chị và anh Q không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tha thiết xin được ly hôn với anh Lê Thế Q.

- Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của anh Q, cũng như tại phiên hòa giải, anh Lê Thế Q trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị V trình bày là đúng. Nhưng anh Q cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày như bao gia đình khác và cũng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng chị V không đồng ý quay về đoàn tụ. Anh Q cũng thừa nhận việc chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2008, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa.

Nay chị V làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh. Về phần mình anh không đồng ý ly hôn mà muốn được đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái.

2. Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là các cháu: Lê Thị H – Sinh ngày: 30/5/2006. Nếu ly hôn, cả chị V và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự, sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Lê Thế Q

do vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã phải hoãn phiên tòa và thực hiện niêm yết hợp lệ cho bị đơn tại địa phương. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, việc HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Thế Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX quyết định:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Lê Thế Q.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị H – Sinh ngày: 30/5/2006 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận thỏa thuận của chị V và anh Q về việc anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Anh Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đỗ Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bị đơn anh Lê Thế Q, anh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn PL, xã TS, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (hiện đang trú tại đội 1, thôn TS1, xã PS, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý và giải quyết đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị V là đúng quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi tiến hành hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án nhưng không thành, ngày 09/7/2021 Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thực hiện niêm yết hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa xét xử vụ án, anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã phải ra Quyết định hoãn phiên tòa và thực hiện

niêm yết hợp lệ cho anh Q theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa xét xử hôm nay, anh Q vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ anh chị tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2005 tại UBND xã TS, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

* *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Sau khi kết hôn, cả hai anh chị đều làm nghề tự do và sinh sống tại địa phương. Quá trình hòa giải, Tòa án đã nắm bắt được mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Q thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây sự đánh đập, chửi bới chị V thậm tệ. Theo chị V trình bày, bản thân bố mẹ chồng chị cũng là những người nghiện rượu nên mỗi lần anh Q say rượu và đánh đập chị thì không có ai đứng ra can ngăn, bảo vệ chị. Điều này đã làm cho chị mất dần tình cảm vợ chồng với anh Q, đã nhiều lần chị lo sợ nếu tiếp tục chung sống sẽ ảnh hưởng đến tính mạng của chị.

Về phía anh Q, quá trình hòa giải tại Tòa án mặc dù anh xin đoàn tụ với mẹ con chị V, tuy nhiên anh cũng chỉ nói như thế chứ không có bất cứ một động thái nào thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, bản thân chị V đã không còn chút tình cảm nào dành cho anh Q, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải, động viên chị suy nghĩ lại và cho anh Q thêm một cơ hội nhưng chị đều kiên quyết xin ly hôn. Sự kiên quyết ấy của chị được thể hiện qua hành động chị không còn ở chung nhà với anh Q từ hơn 10 năm nay và cắt đứt mọi liên lạc với anh Q. Nên việc xử cho chị V được ly hôn với anh Q là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu: Lê Thị H – Sinh ngày: 30/5/2006. Qua xác minh tại địa phương được biết, hiện tại cháu H đang ở với mẹ và phát triển bình thường. Cháu H cũng có bản tự khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của chị V về việc xin nuôi con là chính đáng. Bởi bản thân chị đang có việc làm và thu nhập ổn định, cháu H lại đang tuổi phát triển về tâm sinh lý, chị lại nuôi cháu H từ nhỏ nên nghĩ tiếp tục giao cháu H cho chị nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Chấp nhận thỏa thuận của chị V và anh Q về việc chị V không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.
Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị V được ly hôn với anh Lê Thế Q.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị H – Sinh ngày: 30/5/2006 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chấp nhận thỏa thuận của chị V và anh Q về việc anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000^d (*Băm trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2019/0013904 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị V đã nộp đủ án phí theo biên lai nói trên.

4. Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên bố chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã TS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Nga